

Lựa chọn nào đối với phát triển bền vững trong Du lịch ở Việt Nam?

Th.s Lê Trung Kiên

Đại học Kinh tế Quốc dân

Phát triển bền vững là những thuật ngữ mà ít nhiều chúng ta đã từng nhìn, từng nghe và từng đọc. Có tới 24 triệu danh mục liên quan đến thuật ngữ "phát triển bền vững – sustainable development" khi sử dụng tìm kiếm thuật ngữ này bằng phần mềm Google. Tham gia nghiên cứu, tài trợ về phát triển bền vững phải kể đến các tổ chức quốc tế có danh tiếng như: OECD (Organization for Economic Cooperation and Development); WCED (World Commission on Environment and Development); WTO (World Travel Organization); UNESCO (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization). Số lượng người và các tổ chức quan tâm ngày càng nhiều và không ngừng gia tăng cho thấy phát triển bền vững là hết sức quan trọng. Trên thực tế, phát triển bền vững có thể liên quan tới mọi lĩnh vực: môi trường, văn hóa, xã hội, khoa học, kinh tế, chính trị hoặc trên nhiều khía cạnh của một vấn đề trong kinh doanh: nhân sự, marketing, tài chính, quản lý chiến lược. Việt Nam là nước đang phát triển với lựa chọn Du lịch như là một ngành kinh tế mũi nhọn. Lựa chọn này cũng không nằm ngoài quy luật và xu thế chung của thế giới là cần phải phát triển bền vững. Tuy nhiên, phát triển bền vững trong Du lịch cũng có nhiều quan điểm khác nhau: phát triển bền vững theo quan điểm cứng rắn hay theo quan điểm nhượng bộ là vấn đề cần được làm rõ để Du lịch Việt Nam có căn cứ phát triển.

Bài viết này sẽ phần nào trình bày về lựa chọn phù hợp cho phát triển bền vững trong Du lịch ở Việt Nam.

1. Phát triển bền vững

Khái niệm bền vững không phải gần đây mới có mà được hình thành từ thế kỷ 18, khi mà gỗ là nguyên liệu chính trong các ngành công nghiệp mang lại lợi ích kinh tế: nhiên liệu đốt, làm nhà xưởng, đồ nội thất. Khi đó, để đánh đổi lợi ích kinh tế mà gỗ mang lại thì lợi ích môi trường bị mất mát, đó là độ phủ xanh của rừng bị suy giảm trầm trọng. Đến những năm của thập kỷ 1970, những nghiên cứu của các nhà kinh tế học cũng như sinh thái học về phát triển bền vững đã ra đời. Bối cảnh cho thấy phát triển kinh tế là có giới hạn trong mối liên kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường.

Theo thời gian, những nghiên cứu về **phát triển bền vững** cho thấy: không chỉ kinh tế và môi trường là mâu thuẫn duy nhất trong phát triển bền vững mà còn những mâu thuẫn ở các khía cạnh khác: văn hóa (phong tục, tập quán

sinh hoạt truyền thống trước xu hướng phát triển hiện đại), xã hội (có việc làm hay thất nghiệp, công bằng xã hội), công nghệ (nghề thủ công truyền thống trước các tiến bộ khoa học kỹ thuật) và thậm chí cả về chính trị.

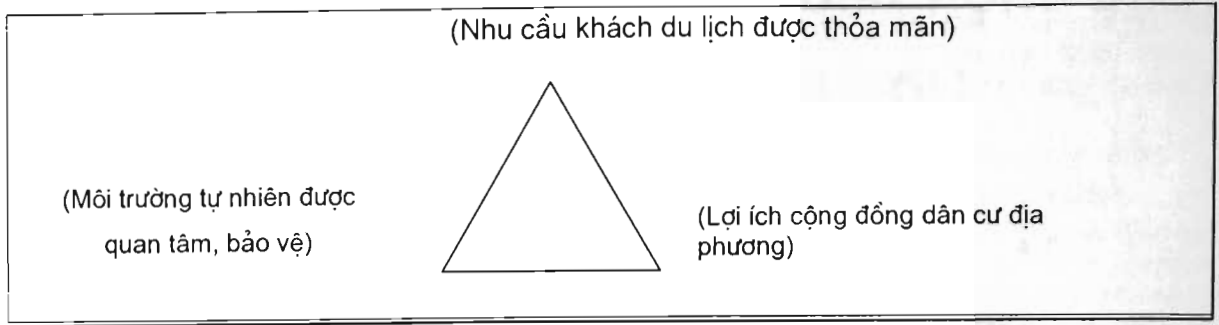
Có tới hơn 100 khái niệm khác nhau liên quan đến phát triển bền vững. Bài viết này xin chỉ ramột số các khái niệm được nhiều người chấp nhận và sử dụng.

Theo Ủy ban nghiên cứu môi trường và phát triển (World Commission on Environment and Development-WCED), 1987 thì: "*Phát triển bền vững là cách thức sử dụng các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu của con người trong khi vẫn bảo vệ môi trường với mục đích không chỉ đáp ứng những nhu cầu con người ở hiện tại mà còn phải cho thế hệ tương lai*". Khái niệm này hàm ý phát triển kinh tế phải song hành với bảo vệ chất

lượng trong mối quan hệ tương hỗ. Đằng sau đó chính là mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên. Bên cạnh đó, không được loại bỏ khả năng hưởng thụ của thế hệ tương lai được hưởng chất lượng sống tốt, ít nhất là bằng với chất lượng cuộc sống mà hiện tại chúng ta đang hưởng thụ.

Theo tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (International Union for Conservation of Nature- IUCN): "*Phát triển bền vững là những quy định mà con người phải tuân thủ và chia sẻ với nhau để quan tâm đến trái đất. Theo đó, con người không được phép lấy đi từ tự nhiên nhiều hơn khả năng mà tự nhiên có thể phục hồi*". Nói cách khác, con người phải có hành vi ứng xử và chọn con đường phát triển tôn trọng các giới hạn của tự nhiên. Điều này có thể thực hiện mà không bắt buộc từ bỏ các lợi ích mà khoa học công nghệ hiện đại mang lại miễn là các công nghệ này

Mô hình 1: Tam giác cân bằng phát triển bền vững trong du lịch



phải nằm trong các giới hạn của tự nhiên.

Theo tổ chức Du lịch thế giới (WTO): “*Phát triển bền vững được hiểu là cơ sở của việc bảo tồn tài nguyên với mục đích phát triển và mở rộng một hoạt động theo hướng tốt hơn trong tương lai bằng cách đảm bảo rằng các nguồn tài nguyên sẽ được bền vững trên tất cả các khía cạnh: sinh thái, kinh tế, văn hóa và xã hội*”³. Theo quan điểm này, phát triển bền vững không chỉ xoay quanh hệ đối lập giữa lợi ích kinh tế với lợi ích môi trường mà còn liên đới sang các khía cạnh khác như văn hóa, xã hội. Khái niệm này đòi hỏi một phát triển bền vững nhưng toàn diện trên nhiều khía cạnh.

Nhìn chung các khái niệm phát triển bền vững đều chỉ ra rằng trong một thế giới biến động và không ngừng phát triển, những quan hệ đối kháng về mặt lợi ích trên các mặt: kinh tế, môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội dần dần xuất hiện. Những quan hệ đối kháng này cần phải được giải quyết trên quan điểm cân bằng giữa các lợi ích để đảm bảo phát triển nhưng vẫn bền vững.

2. Phát triển bền vững trong Du lịch

Phát triển bền vững trong du lịch được coi là phổ biến và ưu tiên hàng đầu tại mỗi quốc gia có tổ chức hoạt động du lịch. Nếu du lịch trước đây được coi là một hoạt động xa xỉ và tốn kém thì nay đã trở nên là hoạt

động phổ biến và đại chúng.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực. Hoạt động du lịch liên quan tới tất cả các ngành và lĩnh vực: vận tải, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, viễn thông, xây dựng, nông nghiệp, thủ công nghiệp, giáo dục. Mọi thứ mà khách du lịch có thể sử dụng hoặc muốn tìm hiểu, khám phá đều có thể đưa vào hoạt động du lịch để khai thác. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển du lịch, mỗi quốc gia đều không tránh khỏi những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế do chính hoạt động du lịch mang lại với những lợi ích về tài nguyên tự nhiên (môi trường khí quyển, môi trường nước, hệ động thực vật), về văn hóa (của người dân địa phương), về xã hội (việc làm, phân biệt

giàu nghèo).

Cụ thể hơn, nhu cầu ẩn chứa trong mỗi khách du lịch là vô hạn. Nhu cầu này, trước tiên, của mỗi cá nhân chỉ đơn giản là nhu cầu tìm hiểu, xem để biết, tiến tới là được sờ mó và tiếp theo là được sử dụng, trải nghiệm. Khi nhu cầu của mỗi cá nhân trở thành nhu cầu của số lớn khách du lịch với sự xuất hiện của hiện tượng “lây lan tâm lý” thì những nhu cầu sử dụng, trải nghiệm trở thành Cầu của những đòi hỏi vượt quá giới hạn đáp ứng của Cung trong hoạt động du lịch.

Một rạp chiếu phim có giới hạn số chỗ ngồi; mỗi điểm tham quan có tài nguyên tự nhiên hay nhân tạo có giới hạn về sức chứa; khách sạn hay nhà hàng có giới hạn về số người được phục vụ; phương

Mô hình 2: Du lịch bền vững trong mối quan hệ phát triển tổng thể



tiện vận chuyển có giới hạn về số người được lưu hành; văn hóa bản địa có giới hạn về khả năng chịu ảnh hưởng trước văn hóa ngoại nhập. Tập hợp các giới hạn liên quan đến hoạt động du lịch nêu trên đòi hỏi phát triển du lịch muốn coi là bền vững phải xét tổng thể và đầy đủ các giới hạn chịu đựng trên các mặt liên quan đến hoạt động du lịch.

Mô hình 1 là một trong những mô hình đơn giản nhất mà phát triển bền vững trong du lịch được đề cập.

Phát triển bền vững trong du lịch tại một địa phương là phát triển tổng thể và cân bằng trên nhiều mặt: kinh tế địa phương, văn hóa bản địa, tình trạng việc làm, môi trường tự nhiên, không gian mỹ quan, giáo dục địa phương (Mô hình 2).

3. Lựa chọn nào đối với phát triển bền vững trong Du lịch ở Việt Nam?

3.1 Những quan điểm khác nhau đối với phát triển bền vững trong Du lịch

Mặc dù phát triển bền vững trong du lịch là hết sức quan trọng, mang lại những lợi ích to lớn, nhưng việc thực hiện nó một cách toàn diện không hề dễ dàng. Công việc trở nên khó khăn hơn khi những xung đột lợi ích nảy sinh và có phần trầm trọng hơn trong quá trình phát triển du lịch. Trong quá trình thực hiện, có những thời điểm hoặc trường hợp mà lợi ích kinh tế địa phương hay hoạt động du lịch không thể song hành cùng với lợi ích bảo vệ môi trường; văn hóa địa phương không cưỡng nổi văn hóa ngoại lai do khách du lịch mang tới.

Việc đạt được lợi ích này dường như phải có sự đánh đổi bằng sự mất mát của lợi ích khác.

Ví dụ tại Việt Nam:

- Phá rừng ngập mặn để nuôi tôm (Phát triển kinh tế, suy thoái tài nguyên)
- Xây dựng thủy điện làm

mất đất, di dân (Phát triển kinh tế, ảnh hưởng xã hội việc làm)

- Làm đường giao thông qua rừng quốc gia (Phát triển hạ tầng, suy thoái tài nguyên)

- Mở rộng rừng quốc gia (thay đổi sinh kế địa phương)

Một số các ví dụ điển hình qua các phương tiện truyền thông đại chúng:

- Xây dựng Khách sạn tại đồi Vọng Cảnh ở Huế.

- Khai thác than với bảo tồn di sản thiên nhiên tại Hạ Long

- Nuôi nhốt hổ tại Bình Dương.

Chính những vấn đề tranh cãi này đã dẫn đến những quan điểm khác nhau trong phát triển bền vững nói chung và trong du lịch nói riêng.

Quan điểm cứng rắn

Quan điểm này tập trung nhiều vào vấn đề gìn giữ và bảo tồn các giá trị thuộc về truyền thống (văn hóa, xã hội) hay các giá trị thuộc về thiên nhiên (thiên nhiên nguyên sơ không có sự can thiệp bởi bàn tay con người).

Theo đó, lợi ích thuộc về địa phương nơi là điểm đến du lịch như môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội, tổ chức chính trị được coi trọng và bảo vệ hết sức nghiêm ngặt. Theo đó, cho dù thực hiện hoạt động du lịch theo phương thức nào thì những lợi ích này phải được đảm bảo tuyệt đối theo hướng tích cực.

Quan điểm cứng rắn đôi khi được cho là có tính bảo thủ nhưng nó được đảm bảo dựa trên các lợi ích địa phương: giá trị văn hóa, môi trường bản địa, giá trị xã hội tồn tại lâu dài.

Quan điểm này không cho phép đánh đổi các giá trị mà địa phương vốn đang có với các lợi ích kinh tế hay chính trị nào khác.

Bản thân quan điểm này cũng được đánh giá khác nhau:

- Ưu điểm: Quan điểm cứng rắn giúp bảo tồn giá trị địa

phương như môi trường tự nhiên, văn hóa địa phương, đặc biệt những yếu tố thuộc về truyền thống một cách tối đa.

- Nhược điểm: Không sẵn sàng chấp nhận sự đánh đổi, tiếp nhận những yếu tố bên ngoài, cho dù trong đó có những yếu tố mang tính tích cực. Chính vì thế, quan điểm cứng rắn trong phát triển du lịch bền vững hạn chế tham gia, can thiệp của các hoạt động có ảnh hưởng về mặt vật lý hữu hình hoặc ngay cả các hoạt động kinh tế, văn hóa có ảnh hưởng tới môi trường văn hóa, xã hội, hạn chế sự tham gia của các nhà đầu tư kinh tế trong lĩnh vực du lịch như: khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí vì ít nhiều, các nhà đầu tư này sẽ phải xây dựng hạ tầng, phát triển dịch vụ theo đúng yêu cầu của khách.

Quan điểm nhượng bộ

Quan điểm nhượng bộ hay còn gọi là có lựa chọn tập trung vào việc đền bù, bồi hoàn cho các thế hệ tương lai về việc đã khai thác sử dụng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa để phục vụ nhu cầu khách du lịch hiện tại.

Theo quan điểm này, để có được những lợi ích trên một số khía cạnh nhằm thúc đẩy hoạt động du lịch, phát triển kinh tế địa phương, đồng thời thỏa mãn những nhu cầu tìm hiểu của khách du lịch sẽ có một sự mất mát, hy sinh trên các mặt khác về môi trường hay thâm nhập văn hóa ngoại lai. Những mất mát này được đánh giá, nghiên cứu và bù lại bằng những lợi ích kinh tế, công nghệ, kỹ thuật hoặc chính trị.

Như vậy, quan điểm nhượng bộ thể hiện một sự bồi hoàn cho những giá trị bị mất mát dưới những giá trị có lợi khác cho địa phương.

Quan điểm nhượng bộ cho thấy một số khó khăn sau:

- Xác định thời gian phục hồi tài nguyên tự nhiên du lịch
- Lượng hóa kinh tế giá trị tự



nhiên cần được bồi hoàn khi buộc phải đánh đổi bằng các giá trị kinh tế

- Việc nhượng bộ có thể chấp nhận và mang lại lợi ích cho một vài bên tham gia nhưng chưa chắc đã là tất cả các bên tham gia.

Mặc dù vậy, có rất nhiều nghiên cứu cũng như các dự án được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo để cập đến quan điểm nhượng bộ này để tìm ra giải pháp đánh đổi giữa các giá trị nhưng vẫn đảm bảo những nguyên tắc chính của phát triển du lịch bền vững. Một trong các dự án được biết đến là Dự án xúc tiến bảo tồn trong bối cảnh xã hội (Advancing Conservation in a Social Context- ACSC) có sự tham gia của Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Mục đích của ACSC là nâng cao khả năng của các bên liên quan chính trong việc xác định, phân tích và đàm phán các lựa chọn (hoặc đánh đổi) giữa bảo tồn và phát triển trong tương lai.

Sau khi xét tới điều kiện và bối cảnh phát triển du lịch ở Việt Nam. Dự án ACSC cho rằng quan điểm phát triển du lịch ở Việt Nam sẽ dựa trên quan điểm phát triển bền vững có nhượng bộ. Một cách khác mà ACSC đề cập tới là: Bảo

Quốc gia	Quy định & Chính sách	Quy định về môi trường	Nguồn lực con người	Nhận thức về du lịch quốc gia
Malaysia	12	44	22	22
Singapore	1	27	1	13
Thái Lan	52	78	65	20
Việt Nam	98	94	84	87

(Thứ hạng thấp thể hiện vị trí càng cao, xếp hạng trên 130 quốc gia điểm đến, năm 2008)

năng lực cạnh tranh trong du lịch xếp hạng trên 130 quốc gia điểm đến năm 2008, chúng ta đều thấy Việt Nam có ba mặt mạnh tương đối nếu so sánh thứ hạng tương ứng với các nước trong khối ASEAN là: Malaysia, Singapore, Thái Lan, đó là:

Những tiêu chí được gọi là lợi thế của Việt Nam nêu trên như: An ninh/ an toàn; Cạnh tranh về giá; Nguồn lực tự nhiên là những yếu tố để thu hút khách du lịch quốc tế đến với Việt Nam.

Tuy nhiên, những tiêu chí được xác định là phù hợp và có lợi cho phát triển bền vững trong Du lịch là những tiêu chí: Quy định & chính sách; Quy định về môi trường; Nguồn lực con người; Nhận thức về du lịch quốc gia. Tuy nhiên, xét theo tiêu chí này thì Việt Nam đạt vị trí bất lợi so với các nước lân cận nêu trên.

Việc xác định phát triển bền vững trong Du lịch theo hướng

mắt coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn trong phát triển kinh tế quốc gia và mục tiêu lâu dài phát triển kinh tế bằng con đường du lịch nhưng hài hòa trong mối quan hệ với phát triển bền vững trên các mặt khác thì việc lựa chọn chỉ một trong hai quan điểm cứng rắn hay nhượng bộ đều gặp phải những khó khăn.

Chính vì vậy, chúng ta có thể sử dụng mô hình phân vùng để phát triển bền vững trong du lịch ở Việt Nam dưới đây. Đây là mô hình phát triển bền vững kết hợp hai quan điểm: bền vững cứng rắn và bền vững nhượng bộ. Mô hình này phát huy được ưu thế lựa chọn du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn theo quan điểm phát triển của Đảng và Nhà nước Việt Nam theo hướng hài hòa, bền vững với các mặt khác như văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, chính trị.

Chúng ta mô phỏng theo mô hình dưới đây bằng một khu vực tự nhiên (rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên) hay khu vực dân cư sinh sống (bản làng dân tộc, khu sinh hoạt cộng đồng). Theo mô hình này, khu vực nghiên cứu được chia thành các vùng có ranh giới phân cách (Mô hình 3).

Vùng lõi (core zone) là vùng nằm trong cùng, đây là khu vực được đặc biệt tôn trọng, được áp dụng phát triển bền vững trong Du lịch theo quan điểm cứng rắn, không chấp nhận bất cứ một sự đánh đổi nào. Khu vực này giống như cội nguồn mang các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử, xã hội có tính nguyên sơ, truyền

Quốc gia	An ninh/ an toàn	Cạnh tranh về giá cả	Nguồn lực tự nhiên
Malaysia	26	3	101
Singapore	8	25	98
Thái Lan	115	11	75
Việt Nam	51	7	48

(Thứ hạng thấp thể hiện vị trí càng cao, xếp hạng trên 130 quốc gia điểm đến, năm 2008)

tồn trong bối cảnh xã hội có cân nhắc các sự lựa chọn.

3.2 Lựa chọn nào đối với phát triển bền vững trong Du lịch ở Việt Nam

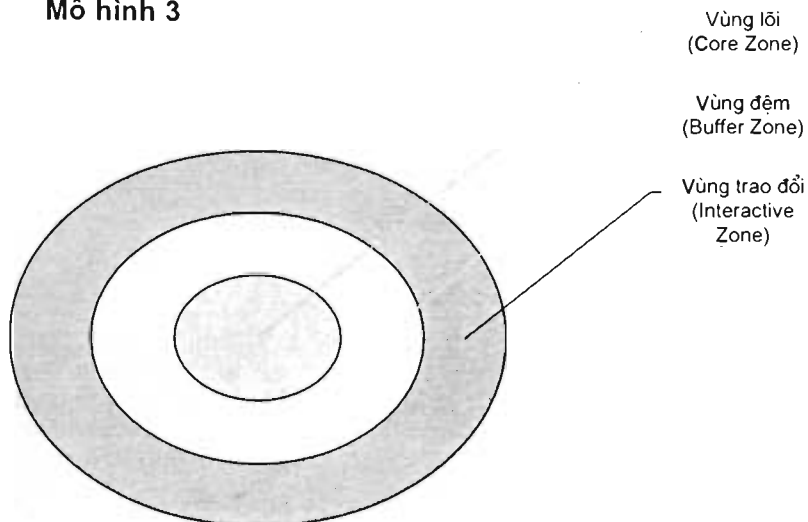
Trong bài "Thử nghiệm diện Du lịch Việt Nam" của TS. Nguyễn Đình Hòa, xét theo

nào phải dựa trên vị thế hiện tại của Việt Nam trên trường quốc tế và phụ thuộc vào mục tiêu phát triển trước mắt và lâu dài của quốc gia.

Trước tiên, chúng ta xác định Việt Nam là nước đang phát triển. Nếu mục tiêu trước



Mô hình 3



thống được gìn giữ, bảo tồn. Đây là khu vực nhạy cảm nhất, cần được gìn giữ, bảo tồn trước những can thiệp từ bên ngoài.

Vượt khỏi vùng lõi được ngăn cách bởi ranh giới phân cách là đến với khu vực **vùng đệm (buffer zone)**. Vùng đệm là khu vực mang nhiều giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử, xã hội của vùng lõi nhưng đã ít nhiều bị can thiệp và lại tập trung quá trình phát triển lịch sử. Chính vì vậy, khu vực này có thể phù hợp cho phát triển các hoạt động du lịch có lựa chọn. Những biện pháp, quy định pháp lý chặt chẽ là yêu cầu cần thiết để thực thi hoạt động du lịch ở khu vực này.

Vùng ngoài cùng được gọi là **vùng trao đổi (interactive zone)**. Đây là khu vực mà hoạt động du lịch cũng như các hoạt động kinh tế khác có thể phát triển tự do theo cơ chế thị trường nhưng dưới sự quản lý của Nhà nước. Khu vực này là khu vực được coi là có thích ứng cao nhất đối với tác động của môi trường do quá trình tương tác qua lại giữa vùng với môi trường xung quanh.

Việc phân chia vùng bởi các ranh giới thể hiện việc phát triển hoạt động du lịch phải được lựa chọn và sàng lọc tùy thuộc vào yêu cầu cho phép của mỗi vùng. Càng gần vào vùng lõi, yêu cầu đối với hoạt

động du lịch càng khắt khe và phải được kiểm soát chặt chẽ.

Nói tóm lại, phát triển bền vững trong Du lịch hướng tới:

- Đảm bảo sử dụng tài nguyên môi trường một cách tối ưu để những tài nguyên này hình thành một yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch, duy trì những quá trình sinh thái thiết yếu và hỗ trợ cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Tôn trọng bản sắc văn hóa xã hội của các cộng đồng ở các điểm đến, bảo tồn di sản văn hóa và những giá trị truyền thống trong cuộc sống của họ và tham gia vào quá trình hiểu biết và chấp thuận các nền văn hóa khác.

- Bảo đảm những lợi ích kinh tế, xã hội được phân phối công bằng và hợp lý cho tất cả mọi thành viên tham gia: doanh nghiệp, dân sở tại, chính quyền địa phương.

- Mang lại sự hài lòng, thỏa mãn tìm hiểu, khám phá của khách du lịch.

Việc lựa chọn phát triển bền vững trong Du lịch theo hướng nào cho từng vùng, miền ở Việt Nam là tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường tự nhiên và chính trị. Trong hoàn cảnh hiện tại, kết hợp phát triển bền vững trong Du lịch theo cả hai quan điểm cứng rắn và

nhượng bộ là phù hợp với Việt Nam. Cách thức này dựa trên mô hình phân vùng đã nêu cho phép Việt Nam đạt được cả hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế bằng du lịch và phát triển bền vững hài hòa với các mặt văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, chính trị.

1 World Commission on the Environment and Development (WCED – 1987), Our Common future, WCED publication.

2 IUCN (International Union for Conservation of Nature– IUCN) (Tháng 4- 1998), Hội thảo về phát triển bền vững và du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hà Nội.

3 WTO (World Travel Organization), Feb- 1997, Tourism 2000: Building a Sustainable Future of Asia– Pacific, Final report from Asia Pacific ministers's conference on tourism and environment, Maldives.

Tài liệu tham khảo:

1. Dự án xúc tiến bảo tồn trong bối cảnh xã hội do Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường (Advancing Conservation in a Social Context- ACSC) thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện (CRES), Hạ Long, tháng 7/ 2009, Báo cáo Hội thảo Khung phân tích trong nghiên cứu quá trình ra quyết định về đánh đổi giữa bảo tồn và phát triển.

2. TS. Nguyễn Đình Hòa, “Thử nghiệm Du lịch Việt Nam” (tháng 2/ 2009), Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 140.

3. WCED (World Commission on the Environment and Development), 1987, Our Common future, WCED publication.

4. IUCN (International Union for Conservation of Nature– IUCN) (Tháng 4 - 1998), Hội thảo về phát triển bền vững và du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hà Nội.

5. WTO (World Travel Organization), Feb- 1997, Tourism 2000: Building a Sustainable Future of Asia– Pacific, Final report from Asia Pacific ministers's conference on tourism and environment, Maldives.